TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hơn

2. Ông Võ Thị Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà **Cà Thị Lan** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Quốc Đ**, sinh năm xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm: xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Quốc Đ trình bày:

Anh Đ và chị H chung sống với nhau từ năm 1999, do mai mối, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống chung với gia đình anh Đ đến năm 2020 thì chị H bỏ nhà đi cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không chăm lo cho gia đình và chơi cờ bạc, anh Đ đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H không thay đổi, trong năm 2020 chị H đã bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, cắt

đứt liên lạc với gia đình. Nay tình cảm không còn, nay anh Đ quyết định ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Mỹ K, sinh ngày xx/xx/xxxx, Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện 03 con đang sống chung với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Thị Mỹ K, sinh ngày xx/xx/xxxx đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

* Chị Lê Thị Ngọc H là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị H1 cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị H1 đối với yêu cầu ly hôn của anh Đ cho Tòa án nên không có lời trình bày của chị H1.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Quốc Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị H1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chị H1 không cấp dưỡng do anh Đ không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Quốc Đ yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm xxxx, ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện G nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị H1 vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của chị H1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Lê Thị Ngọc H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc Đ và chị Lê Thị Ngọc H có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy

định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh Đ, căn cứ vào lời khai của anh, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H1 có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không chăm lo cho gia đình mà còn cờ bạc, anh Đ đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H1 không thay đổi, trong năm 2020 chị H1 đã bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, cắt đứt liên lạc với gia đình. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho chị H1 biết nội dung yêu cầu ly hôn của anh Đ, tuy nhiên chị H1 vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh Đ, để mặc cho anh với yêu cầu ly hôn mà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chị H1 không quan tâm đến kết quả giải quyết đối với quan hệ hôn nhân của chị và anh Đ. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ với chị H1 là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 03 con chung tên Trần Thị Mỹ K, sinh ngày xx/xx/xxxx, Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện đang sống chung với anh Đ. Ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Thị Mỹ K, sinh xx/xx/xxxx đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Theo nguyện vọng của 02 con đều có mong muốn được sống chung với cha, nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung, hơn nữa chị H1 đã bỏ gia đình con cái để đi nơi khác sinh sống, cắt đứt liên lạc với gia đình cho thấy chị H1 không còn quan tâm đến các con nên cần giao cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx là có cơ sở được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx và anh không có yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Trần Quốc Đ có yêu cầu ly hôn nên anh Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

X***ử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc Đ và chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con tên Trần Quốc T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Trần Quốc Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Lê Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không có yêu cầu.

Chị Lê Thị Ngọc H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Trần Quốc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028612 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Trần Quốc Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và chị H được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Tân Thành, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh